TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2022
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành P.

2. Bà Dương Triết M.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hồ Kim N , sinh năm 1995. (Có mặt).

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh V.

2. Bị đơn: anh Lê Tuấn K , sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm P, thị trấn P , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Kim N trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị N và anh K tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P , huyện T , tỉnh A vào ngày 03/01/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh K thường xuyên uống rượu, có những

lời lẽ xúc phạm chị N nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh K vẫn không thay đổi. Đến tháng 9 năm 2020, anh K đã về nhà cha mẹ ruột anh K sinh sống cho đến nay. Do không còn tình nghĩa vợ chồng nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tuấn K .

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh K .

+ Về con chung: không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Tuấn K có địa chỉ tại thị trấn P , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Tuấn K đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập anh K đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Kim N và anh Lê Tuấn K chung sống với nhau từ năm 2019, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân thị trấn P , huyện T , tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Hồ Kim N và anh Lê Tuấn K phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng, chị N với anh K chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng, giữa chị và anh K bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay.

[3.2] Tại biên bản xác minh hộ khẩu thường trú ngày 11/5/2022, được Công an thị trấn P , huyện T , tỉnh A cung cấp như sau: anh Lê Tuấn K có đăng ký hộ khẩu tại khóm P, thị trấn P , huyện T , tỉnh A nhưng vắng mặt tại địa phương mà không rõ đi đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, tạo điều kiện cho chị N và anh K hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh K không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với chị N .

[3.3] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/5/2022, được đại diện khóm P, thị trấn P , huyện T cung cấp như sau: chị Hồ Kim N và anh Lê Tuấn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P , huyện T . Mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh K bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K . Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Kim N .

[4] Quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Hồ Kim N yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Kim N .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Kim N được ly hôn với anh Lê Tuấn K

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn P , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung và tài sản chung: không có.

1.3. Về nợ chung: ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Hồ Kim N và anh Lê Tuấn K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Hồ Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009190 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (chị N đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H